TỈNH ỦY PHÚ THỌ *	**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**
Số 35 -NQ/TU	*Phú Thọ, ngày 6 tháng 8 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH
về đột phá đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2026 - 2030

Thời gian qua, công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh được các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện và đạt nhiều kết quả quan trọng. Nền hành chính từng bước được đổi mới theo hướng dân chủ, công khai, minh bạch, chuyên nghiệp, hiện đại; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước được nâng lên; kỷ luật, kỷ cương hành chính được tăng cường; chuyển đổi số được đẩy mạnh; môi trường đầu tư, kinh doanh tiếp tục được cải thiện; chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp ngày càng nâng cao, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị - xã hội.

Tuy nhiên, công tác cải cách hành chính của tỉnh vẫn còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững trong giai đoạn mới. Cải cách hành chính trên một số lĩnh vực còn chậm, thiếu đồng bộ; cải cách thủ tục hành chính chưa tạo được chuyển biến mạnh mẽ, vẫn còn tình trạng chậm giải quyết hồ sơ, nhất là trong các lĩnh vực đất đai, đầu tư, xây dựng. Chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước chưa đồng đều; hạ tầng số, dữ liệu số và việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan còn nhiều bất cập; tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến và thanh toán trực tuyến còn thấp. Kỷ luật, kỷ cương hành chính ở một số cơ quan, đơn vị chưa nghiêm; trách nhiệm của người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện cải cách hành chính có lúc, có việc chưa rõ nét; chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là ở cấp cơ sở, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong điều kiện thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Mức độ xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI) có chuyển biến nhưng thiếu ổn định, chưa bền vững và tương xứng với tiềm năng, lợi thế và yêu cầu phát triển của tỉnh sau hợp nhất. Những hạn chế, bất cập trên đang là điểm nghẽn, ảnh hưởng đến hiệu lực, hiệu quả quản trị, năng lực cạnh tranh và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Để tạo đột phá trong cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, liêm chính, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm; thực hiện các chủ trương của Trung ương về cải cách hành chính, đổi mới quản trị quốc gia, chuyển đổi số và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Phú Thọ lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết về đột phá đẩy mạnh cải

cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2026 - 2030, với các nội dung sau:

I. QUAN ĐIỂM

Đẩy mạnh cải cách hành chính là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên, xuyên suốt của cả hệ thống chính trị; là động lực quan trọng để giải phóng nguồn lực, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, củng cố niềm tin của Nhân dân, tạo nền tảng cho phát triển nhanh và bền vững; góp phần thực hiện mục tiêu: Đến năm 2030 Phú Thọ là một trong những cực tăng trưởng của vùng Thủ đô, trung tâm phát triển công nghiệp, thương mại, logistics, du lịch, y tế, đào tạo chất lượng cao và từng bước trở thành trung tâm văn hóa - lễ hội của cả nước gắn với cội nguồn dân tộc; tạo tiền đề hành chính - quản trị để đến năm 2045 Phú Thọ trở thành thành phố trực thuộc Trung ương.

Cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, phải được triển khai đồng bộ với sắp xếp tổ chức bộ máy, cải cách công vụ, chuyển đổi số, phát triển dữ liệu số và đổi mới phương thức lãnh đạo, quản trị. Quá trình tổ chức thực hiện phải bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, sự quản lý thống nhất của Nhà nước; thiết lập cơ chế phối hợp liên thông, thường xuyên, thực chất giữa khối Đảng - Nhà nước - Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cơ sở; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, vận động Nhân dân tham gia cải cách hành chính và kiểm soát quyền lực trong thực thi công vụ.

Cải cách hành chính phải lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ; lấy sự hài lòng, mức độ thuận tiện, chi phí tuân thủ và hiệu quả thực chất làm thước đo; lấy kết quả, sản phẩm cụ thể và trách nhiệm giải trình của người đứng đầu làm căn cứ đánh giá; đồng thời đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại, công khai, minh bạch, hoạt động thông suốt, không phụ thuộc địa giới hành chính.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tiếp tục xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, có năng lực kiến tạo phát triển, liêm chính, phục vụ Nhân dân, trên cơ sở những quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân giai đoạn 2026 - 2030. Quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan hành chính nhà nước, đặc biệt là trách nhiệm của người đứng đầu trong thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính trọng tâm là giải quyết thủ tục hành chính; tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đáp ứng yêu cầu của người dân, tổ chức và doanh nghiệp, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Cải cách thể chế

Năm 2026, hoàn thiện sửa đổi, bổ sung hệ thống thể chế về tổ chức và hoạt động của bộ máy hành chính, bảo đảm cơ sở pháp lý thống nhất, đồng bộ, ổn định,

khả thi cho bộ máy chính quyền từ tỉnh đến cơ sở hoạt động thông suốt, liên tục, nghiêm minh và hiệu quả.

2.2. Cải cách thủ tục hành chính

Tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng và trước hạn ở cấp tỉnh và cấp xã hằng năm bình quân đạt trên 95%.

Đến năm 2027, tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt 100%; 95% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

Đến năm 2029, mức độ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp đạt tối thiểu 95%, trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 90%.

2.3. Cải cách tổ chức bộ máy

Hết năm 2027, hoàn thành việc sắp xếp các đơn vị sự nghiệp, trường học, cơ sở y tế, doanh nghiệp nhà nước.

Đến năm 2029, mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) đạt tối thiểu 95%. Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 90%.

Đến năm 2030, tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế 5% - 10% so với năm 2026.

2.4. Cải cách chế độ công vụ

Đột phá, đổi mới công tác đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan hành chính nhà nước và công chức, viên chức gắn với kết quả sản phẩm thực hiện nhiệm vụ được giao theo các chỉ số đánh giá hiệu quả công việc (KPI).

Từ năm 2026, các cơ quan, tổ chức, địa phương giảm tối thiểu 15% số lượng văn bản hành chính so với năm trước; giảm 10% số lượng hội nghị hằng năm.

Đến năm 2029, 100% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ cao đẳng, đại học và được chuẩn hóa về lý luận, chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng làm việc.

2.5. Cải cách tài chính công

Đến năm 2030: Hoàn thiện thể chế, chính sách về đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tự chủ tài chính đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm kịp thời, đúng chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước; giảm bình quân 15% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập so với giai đoạn 2021 - 2025.

2.6. Xây dựng Chính quyền điện tử, chính quyền số

Đến năm 2027: Mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu của tỉnh đạt cấp độ 3; 100% thủ tục hành chính có đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.

Đến năm 2029, mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu của tỉnh đạt cấp độ 4.

Đến năm 2030: **(1)** Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công đạt 90%; **(2)** tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công đạt 90%; **(3)** 100% toàn bộ dữ liệu đất đai, quy hoạch, thủ tục đầu tư, kinh doanh được số hóa; triển khai "luồng xanh" thủ tục hành chính đối với một số thủ tục hành chính liên quan đến đầu tư, xây dựng, đất đai; **(4)** 100% các cơ quan, đơn vị cung cấp dữ liệu mở đúng chuẩn; **(5)** 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan; **(6)** xây dựng, chuẩn hóa, cập nhật, kết nối và khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu chuyên ngành về dân tộc, tôn giáo; văn hóa, thể thao và du lịch; y tế, hồ sơ sức khỏe điện tử, sổ sức khỏe điện tử; bảo đảm dữ liệu đúng, đủ, sạch, sống, liên thông, dùng chung được, phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, hoạch định chính sách và giám sát chất lượng phục vụ.

2.7. Công tác chỉ đạo điều hành

Phấn đấu hằng năm: **(1)** Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) nằm trong nhóm 10 tỉnh, thành phố cao nhất cả nước; Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) nằm trong nhóm 15 tỉnh, thành phố cao nhất cả nước; Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) nằm trong nhóm 15 tỉnh, thành phố cao nhất cả nước. **(2)** Có 25% số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp xã được kiểm tra cải cách hành chính, công vụ; có từ 3-5 sáng kiến đổi mới, sáng tạo trong triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính được cấp có thẩm quyền công nhận.

Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI): Phấn đấu duy trì thứ hạng đã đạt được năm 2025 (thuộc nhóm 5 tỉnh, thành phố cao nhất cả nước).

2.8. Chỉ tiêu đặc thù phục vụ mục tiêu xây dựng Phú Thọ trở thành thành phố trực thuộc Trung ương vào năm 2045

Đến năm 2030: **(1)** 100% dữ liệu quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất, dữ liệu hạ tầng kỹ thuật đô thị, giao thông, cấp thoát nước, môi trường, nhà ở, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu du lịch và các không gian phát triển trọng điểm được số hóa, chuẩn hóa, quản lý thống nhất, cập nhật thường xuyên trên nền tảng dữ liệu không gian/GIS và các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh. **(2)** 100% thủ tục hành chính liên quan đến phát triển đô thị, đầu tư hạ tầng, cấp phép xây dựng, đất đai, môi trường, nhà ở xã hội, đăng ký kinh doanh và các dự án động lực được quản lý, theo dõi, giám sát tiến độ trên môi trường số; phấn đấu tối thiểu 90% hồ sơ đủ điều kiện được xử lý theo quy trình điện tử liên thông, hạn chế tối đa yêu cầu nộp lại giấy tờ đã được số hóa. **(3)** Các xã, phường phấn đấu xây dựng, vận hành mô hình kinh tế mới, hoặc mô hình kinh tế đặc thù gắn với đổi mới quản lý hành chính và cung cấp dịch vụ công số, phù hợp lợi thế từng địa bàn như kinh tế số nông thôn, thương mại điện tử, du lịch cộng đồng, du lịch văn hóa - tâm linh, kinh tế đêm, logistics, dịch vụ đô thị thông minh, nông nghiệp công nghệ cao, sản phẩm OCOP, y tế và giáo dục chất lượng cao.

III. NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, phát huy vai trò, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị; tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, tư duy và hành động trong cải cách hành chính

Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội quán triệt, thực hiện nghiêm các chủ trương của Trung ương và của Tỉnh ủy về cải cách hành chính; xác định cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên. Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị để lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện, giám sát và phản biện đối với công tác cải cách hành chính. Thiết lập cơ chế phối hợp liên thông khối Đảng - Nhà nước - Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện, giám sát và phản biện về cải cách hành chính.

Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy lãnh đạo, chỉ đạo theo hướng khoa học, chiến lược, hành động, hiệu quả; chuyển mạnh từ tư duy *quản lý hành chính* sang *quản trị phát triển*, từ *giải quyết công việc* sang *phục vụ Nhân dân và đồng hành cùng doanh nghiệp*; lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm của quá trình cải cách; đồng thời là chủ thể tham gia, đối tượng phục vụ và động lực của cải cách. Mọi chủ trương, giải pháp cải cách phải hướng đến giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục hành chính, nâng cao tính công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình và sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

Đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện cải cách hành chính; trực tiếp chỉ đạo các nhiệm vụ trọng tâm, khâu yếu, việc khó và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện; người đứng đầu các cấp ủy, chính quyền phải chịu trách nhiệm trực tiếp trước cấp ủy cấp trên về kết quả tổ chức thực hiện Nghị quyết này trong phạm vi phụ trách. Lấy kết quả cải cách hành chính, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm tiêu chí quan trọng đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể, cá nhân hằng năm.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt nghị quyết, tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động trong toàn hệ thống chính trị; khơi dậy quyết tâm chính trị cao, khát vọng đổi mới, tinh thần trách nhiệm, ý chí tự lực, tự cường và động lực cống hiến để thực hiện thành công mục tiêu xây dựng nền hành chính tỉnh Phú Thọ hiện đại, chuyên nghiệp, liêm chính, kỷ cương, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.

Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá, xác định chỉ số cải cách hành chính đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương; thường xuyên đo lường mức độ hài lòng của người dân, đại diện doanh nghiệp. Lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính là một trong những căn cứ quan trọng để đánh giá chất lượng tổ chức đảng, chính quyền, cơ quan, đơn vị, người đứng đầu và cán bộ, công chức, viên chức.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan thanh tra, kiểm tra đối với việc thực hiện cải cách hành chính ở tất cả các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị, địa phương. Tập trung vào

những nơi có nhiều phản ánh, kiến nghị, có tỷ lệ giải quyết hồ sơ chậm cao, có biểu hiện trì trệ, né tránh, đùn đẩy, thiếu trách nhiệm hoặc phát sinh tiêu cực, tham nhũng, những nhiễu trong thực thi công vụ.

2. Tập trung hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách; tạo hành lang pháp lý đồng bộ, thống nhất, thông thoáng cho phát triển và tổ chức thực hiện hiệu quả

Tập trung rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách, quy định, quy trình thuộc thẩm quyền của tỉnh theo hướng đồng bộ, thống nhất, khả thi, minh bạch, ổn định và sát thực tiễn; bảo đảm kịp thời thể chế hóa đầy đủ, đúng đắn các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, phù hợp với yêu cầu phát triển của tỉnh trong giai đoạn mới.

Nâng cao chất lượng công tác xây dựng, thẩm định, ban hành, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; bảo đảm mọi quy định được ban hành phải có cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn vững chắc; khắc phục triệt để tình trạng quy định thiếu đồng bộ, chồng chéo, mâu thuẫn, không rõ trách nhiệm, không sát thực tiễn hoặc làm phát sinh thêm thủ tục, giấy tờ, chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp.

Chủ động phát hiện, tháo gỡ hoặc kiến nghị tháo gỡ kịp thời những điểm nghẽn, nút thắt, bất cập về thể chế, cơ chế, chính sách đang cản trở sự phát triển, nhất là trong các lĩnh vực đất đai, đầu tư, xây dựng, tài nguyên, môi trường,... Tập trung hoàn thiện thể chế, phân cấp, phân quyền, ủy quyền theo hướng mạnh hơn, rõ hơn, thực chất hơn, gắn với phân bổ nguồn lực, tăng cường năng lực thực thi, kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực; bảo đảm rõ người, rõ việc, rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ sản phẩm, rõ kết quả.

3. Tạo đột phá mạnh mẽ, thực chất, toàn diện trong cải cách thủ tục hành chính

Đẩy mạnh rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thực chất thủ tục hành chính, thành phần hồ sơ, quy trình nội bộ, thời gian giải quyết, chi phí tuân thủ trên tất cả các lĩnh vực, nhất là các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp, đến môi trường đầu tư, kinh doanh và các động lực tăng trưởng của tỉnh. Kiên quyết bãi bỏ những thủ tục không còn phù hợp, những yêu cầu giấy tờ trùng lặp, những quy trình mang tính hình thức, trung gian không cần thiết, gây cản trở cho hoạt động của người dân và doanh nghiệp.

Kiểm soát chặt chẽ việc ban hành mới thủ tục hành chính; bảo đảm thủ tục hành chính mới chỉ được quy định trong trường hợp thật sự cần thiết, đúng thẩm quyền, đúng pháp luật, có chi phí tuân thủ thấp, dễ hiểu, dễ thực hiện, dễ giám sát, dễ số hóa và phải được đánh giá tác động đầy đủ, khách quan, khoa học. Không hợp thức hóa những bất cập trong công tác quản lý bằng cách đẩy khó khăn, chi phí, rủi ro về phía người dân và doanh nghiệp.

Tập trung nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính các cấp theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, văn minh, hiệu quả; lấy kết quả giải quyết công việc, thái độ phục vụ, chất lượng phục vụ và mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo trực tiếp. Quan tâm đầu tư đồng bộ về cơ sở vật chất, hạ tầng số, trang

thiết bị, phần mềm, dữ liệu, nhân lực; nhất là ở cấp xã, bảo đảm người dân được tiếp cận thuận lợi, bình đẳng, nhanh chóng, minh bạch đối với dịch vụ hành chính công.

Thực hiện nghiêm việc công khai, minh bạch đầy đủ, kịp thời, chính xác toàn bộ quá trình tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả thủ tục hành chính; tăng cường tiếp nhận, xử lý, phản hồi phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân; coi đây là kênh quan trọng để chấn chỉnh công vụ, hoàn thiện quy định, quy trình và nâng cao chất lượng phục vụ. Kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi gây phiền hà, nhũng nhiễu, kéo dài thời gian giải quyết, né tránh, đùn đẩy trách nhiệm, vô cảm trong thực thi công vụ.

Nghiên cứu, thí điểm và từng bước mở rộng việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo, trợ lý số, tổng đài thông minh, công cụ phân tích dữ liệu trong hướng dẫn, tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ, cảnh báo nguy cơ chậm hạn, hỗ trợ cán bộ xử lý nghiệp vụ và hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiếp cận dịch vụ công; bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân, kiểm soát rủi ro và trách nhiệm giải trình của cơ quan, cán bộ, công chức.

Nghiên cứu, triển khai cơ chế ưu tiên, cơ chế "luồng xanh" trong giải quyết một số thủ tục hành chính liên quan đến dự án trọng điểm, nhà đầu tư chiến lược, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội cấp bách, nhưng phải bảo đảm đúng quy định, đúng thẩm quyền, công khai, minh bạch, chặt chẽ, không để xảy ra lợi dụng, tiêu cực, tham nhũng, lợi ích nhóm.

4. Đẩy mạnh sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hợp lý, vận hành thông suốt; đổi mới phương thức quản trị công theo hướng hiện đại, hiệu quả

Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị của tỉnh theo hướng tinh gọn, hợp lý, giảm đầu mối, giảm tầng nấc trung gian, khắc phục chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động. Gắn sắp xếp tổ chức bộ máy với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, tinh giản biên chế, đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập và nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công.

Rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương; bảo đảm phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, liên thông, hiệu quả; tránh bỏ sót nhiệm vụ, tránh chồng chéo, trùng lắp hoặc đùn đẩy trách nhiệm. Nâng cao chất lượng quy chế làm việc, quy trình phối hợp liên thông, quy trình xử lý công việc, nhất là đối với những nhiệm vụ liên ngành, liên cấp, có phạm vi tác động lớn, có ảnh hưởng trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp.

Đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp theo hướng chủ động, kiến tạo, phục vụ, quản trị dựa trên dữ liệu, quản lý theo kết quả, coi trọng hiệu quả đầu ra và tác động thực chất đến phát triển. Tăng cường ứng dụng các công cụ quản trị hiện đại, công nghệ số, hệ thống thông tin quản lý, hệ thống giám sát, cảnh báo, phân tích dữ liệu phục vụ điều hành, qua đó nâng cao chất lượng ra quyết định, khả năng phản ứng chính sách và năng lực tổ chức thực thi của bộ máy nhà nước.

5. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ

Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, ý thức tổ chức kỷ luật cao, tinh thần phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân, có năng lực chuyên môn, kỹ năng hành chính, năng lực số, tư duy đổi mới, khả năng thích ứng và năng lực tổ chức thực hiện trong môi trường quản trị hiện đại. Đây là nhân tố quyết định chất lượng, hiệu quả cải cách hành chính và năng lực vận hành của bộ máy chính quyền các cấp.

Đổi mới toàn diện công tác tuyển dụng, sử dụng, bố trí, điều động, luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, đánh giá, bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, theo năng lực thực tiễn, theo sản phẩm và kết quả đầu ra. Kiên quyết khắc phục tình trạng bố trí không đúng người, không đúng việc, không đúng năng lực; không bố trí những người thiếu trách nhiệm, hạn chế chuyên môn, yếu kỹ năng vào các vị trí trực tiếp giải quyết công việc của người dân và doanh nghiệp.

Thực hiện nghiêm, đồng bộ, hiệu quả việc đánh giá, xếp loại chất lượng cơ quan hành chính nhà nước và đội ngũ công chức, viên chức trên cơ sở sản phẩm cụ thể, tiến độ, chất lượng, hiệu quả công việc, thái độ phục vụ và mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp. Đẩy mạnh áp dụng các phương pháp đánh giá theo kết quả đầu ra, theo hiệu suất công việc, theo nhiệm vụ được giao, bảo đảm khách quan, công bằng, minh bạch, dễ theo dõi, dễ giám sát, có khả năng lượng hóa và so sánh.

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ, văn hóa công sở; kiên quyết chấn chỉnh, xử lý nghiêm các biểu hiện né tránh trách nhiệm, đùn đẩy công việc, trì trệ, thiếu hợp tác, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp. Đồng thời, có cơ chế khuyến khích, bảo vệ, động viên cán bộ, công chức, viên chức năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung, nhất là trong tham mưu các giải pháp đổi mới, đột phá phục vụ phát triển.

Đặc biệt coi trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cán bộ cấp cơ sở, cán bộ trẻ, các vị trí trực tiếp tham mưu cải cách hành chính, chuyển đổi số, dữ liệu số. Chú trọng bồi dưỡng năng lực số, kỹ năng giao tiếp hành chính, kỹ năng phục vụ, kỹ năng phối hợp liên thông, kỹ năng xử lý tình huống phát sinh, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong thực thi công vụ.

Đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn, đào tạo kỹ năng số cho người dân, doanh nghiệp thông qua tổ công nghệ số cộng đồng, hệ thống truyền thanh cơ sở, nền tảng số… trong đó chú trọng hỗ trợ người cao tuổi, đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn, nhóm yếu thế tiếp cận dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến, sổ sức khỏe điện tử và các tiện ích số thiết yếu.

6. Đổi mới cơ chế quản lý tài chính công; ưu tiên và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho cải cách hành chính

Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý, phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước theo hướng công khai, minh bạch, hiệu quả, gắn với mục tiêu, chỉ tiêu, sản phẩm đầu ra cụ thể. Ưu tiên bố trí nguồn lực thỏa đáng, có trọng tâm, trọng điểm cho các nhiệm vụ then chốt của cải cách hành chính; nhất là hoàn thiện thể chế, hiện đại hóa hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số, cơ sở dữ liệu, các nền tảng số dùng chung, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao.

Tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản công, trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật và các nguồn lực hiện có; đẩy mạnh khoán chi, giao quyền tự chủ gắn với tăng cường giám sát, kiểm tra, kiểm toán và trách nhiệm giải trình. Kiên quyết cắt giảm những khoản chi không cần thiết, chi hình thức, chi kém hiệu quả; dành nguồn lực cho những nhiệm vụ mang tính động lực, lan tỏa, phục vụ trực tiếp người dân, doanh nghiệp.

Có cơ chế phù hợp để thu hút, sử dụng hiệu quả nguồn lực xã hội cho một số hạ tầng, dịch vụ, tiện ích hỗ trợ cải cách hành chính và chuyển đổi số, trên cơ sở đúng quy định của pháp luật, bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả, không để phát sinh tiêu cực, lợi ích nhóm hoặc thương mại hóa những hoạt động công vụ.

7. Đẩy nhanh xây dựng chính quyền số, hành chính số, dữ liệu số, lấy chuyển đổi số làm phương thức đột phá

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong toàn bộ hoạt động của các cơ quan nhà nước; xây dựng nền hành chính số vận hành đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở, kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu thông suốt, xử lý công việc trên môi trường điện tử, giảm tối đa giấy tờ, giảm trung gian, giảm tiếp xúc không cần thiết, nâng cao tính minh bạch và hiệu quả phục vụ.

Tập trung xây dựng, chuẩn hóa, số hóa, làm giàu, kết nối, chia sẻ và khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu của tỉnh; nhất là các cơ sở dữ liệu về đất đai, quy hoạch, dân cư, doanh nghiệp, đầu tư, tài chính, giáo dục, y tế, an sinh xã hội, tư pháp và các lĩnh vực chuyên ngành khác. Bảo đảm dữ liệu đúng, đủ, sạch, sống, dùng chung được, trở thành tài nguyên quan trọng phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, hoạch định chính sách và giải quyết thủ tục hành chính.

Ưu tiên xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành sâu phục vụ quản trị phát triển và cung cấp dịch vụ công, gồm: cơ sở dữ liệu dân tộc, tôn giáo gắn với an sinh xã hội, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; cơ sở dữ liệu văn hóa, thể thao và du lịch gắn với di sản, lễ hội, điểm đến, thiết chế văn hóa, hoạt động thể thao, du lịch thông minh; cơ sở dữ liệu y tế, hồ sơ sức khỏe điện tử, sổ sức khỏe điện tử gắn với bảo hiểm y tế, khám chữa bệnh, tiêm chủng và quản lý sức khỏe cộng đồng.

Phát triển đồng bộ hạ tầng số, nền tảng số, hệ thống thông tin dùng chung, phần mềm nghiệp vụ, hệ thống giám sát, phân tích, cảnh báo; tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng, an ninh dữ liệu. Từng bước hình thành môi trường làm việc số hiện đại, thông minh, liên thông, không phụ thuộc địa giới hành chính; thực hiện nguyên tắc người dân, doanh nghiệp chỉ cung cấp thông tin một lần, cơ quan nhà nước có trách nhiệm khai thác, tái sử dụng dữ liệu đã có.

Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến thực chất, toàn trình, thuận tiện, dễ sử dụng, dễ tiếp cận; chú trọng hỗ trợ người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, các nhóm yếu thế; bảo đảm mọi người dân đều được thụ hưởng thành quả của cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số.

Tập trung xây dựng, hoàn thiện Hệ thống quản trị, điều hành phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trên nền tảng dữ liệu số thời gian thực; phục vụ hiệu quả công tác lãnh

đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp; nâng cao năng lực dự báo, phân tích, cảnh báo sớm, hỗ trợ ra quyết định nhanh, đúng, trúng, kịp thời, hiệu quả.

8. Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội; huy động sự tham gia tích cực của Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp

Phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân trong tuyên truyền, vận động, giám sát, phản biện xã hội, tham gia góp ý hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách, quy trình, thủ tục hành chính; phản ánh trung thực, kịp thời những khó khăn, vướng mắc, bất cập, biểu hiện tiêu cực trong quá trình thực hiện để cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý.

Mở rộng các hình thức đối thoại, khảo sát, lấy ý kiến, tiếp nhận sáng kiến cải cách từ người dân và doanh nghiệp; coi đây là nguồn thông tin thực tiễn quan trọng, khách quan để hoàn thiện chủ trương, chính sách, nâng cao chất lượng phục vụ, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và hệ thống chính trị của tỉnh.

9. Cụ thể hóa các mô hình kinh tế gắn với lợi thế của từng địa phương

Rà soát lợi thế từng xã, phường để lựa chọn mô hình kinh tế mới, mô hình kinh tế đặc thù phù hợp không gian phát triển của tỉnh, Quy hoạch tỉnh và mục tiêu xây dựng Phú Thọ trở thành thành phố trực thuộc Trung ương; ưu tiên các mô hình có khả năng tạo việc làm, tăng thu ngân sách, nâng cao chất lượng sống và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở cơ sở.

Gắn triển khai mô hình kinh tế mới với phát triển dữ liệu địa phương, bản đồ số, mã địa chỉ số, thanh toán không dùng tiền mặt, hóa đơn điện tử, thương mại điện tử, du lịch thông minh, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, dịch vụ công trực tuyến và cơ chế phản hồi của người dân, doanh nghiệp; đánh giá và nhân rộng các mô hình kinh tế mới hiệu quả.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành cơ chế, chính sách cần thiết và bảo đảm nguồn lực thực hiện hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu của Nghị quyết.

2. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng đề án để triển khai thực hiện Nghị quyết; phối hợp với Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh cụ thể hóa đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nêu trong Nghị quyết này và bảo đảm đủ nguồn lực thực hiện; chủ trì theo dõi, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân tích cực tham gia thực hiện Nghị quyết; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng cơ chế, chính sách để thực hiện Nghị quyết; kịp thời tổng hợp tâm tư, nguyện vọng, kiến nghị của Nhân dân, doanh nghiệp để phản ánh với cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

4. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn việc tuyên truyền, quán triệt, học tập và triển khai thực hiện Nghị quyết; theo dõi tình hình tư tưởng, dư luận xã hội, kịp thời tham mưu cấp có thẩm quyền chỉ đạo những vấn đề phát sinh.

5. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy chủ trì, tham mưu với Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình kiểm tra, giám sát việc triển khai Nghị quyết; báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát theo quy định.

6. Các Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo việc học tập, quán triệt và xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết. Tăng cường đôn đốc, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết; định kỳ sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện; kịp thời báo cáo, đề xuất với Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh) những nội dung cần lãnh đạo, chỉ đạo hoặc điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

Nghị quyết này được phổ biến đến chi bộ.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương (b/c);
- Văn phòng Trung ương Đảng (b/c);
- Các Ban Đảng Trung ương (b/c);
- Đảng ủy Bộ Nội vụ;
- TTTU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Các Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- CPVP, CVTH;
- Lưu VPTU.

T/M TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
TỈNH ỦY PHÚ THỌ

Bùi Văn Quang